TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2020/DS-PT
Ngày: 14 - 17/9/2020
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Ông Đinh Như Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 14/9 đến ngày 17/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLPT-DS ngày 25/3/2020 về : "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân quận C.G, TP. Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Đ.C.K, sinh năm 1961. ĐKHK: Số 45A/6 M.Đ.C, phường T.T, TP. B.M.T. Hiện trú tại: Số 62 ngách 81/2, tổ 12 đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Có mặt.

1.2. Anh Đ.T.T, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn 4 xã T.H, huyện Đ.S, tỉnh Đ.N. Ủy quyền cho ông K.

1.3. Anh Đ.T.S, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn 3 xã N.C, huyện Đ R.L, tỉnh Đ.N. Vắng mặt.

1.4. Anh Đ.T.H, sinh năm 1970. Trú tại: Số 46/23 phố Đ.T.C, phường T.T, TP. B.M.T. Ủy quyền cho ông K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ.C.K: Luật sư L.V.K - VPLS 118, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ.V.C, sinh năm 1959. Trú tại: Số 62 ngách 81/2, tổ 12 đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ.V.C: Luật sư N.T.Q - VPLS N.T.Q, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đ.V.C, sinh năm 1941. Trú tại: Số 57, tổ 16 phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.2. Ông Đ.V.D. Trú tại: Số 64 ngách 81/2 tổ 16 đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.3. Anh L.Đ.T, sinh năm 1953. Trú tại: Số 21 ngõ 516 đường L, tổ 9A phường L.H, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.4. Chị T.T.N, sinh năm 1966. Trú tại: Số 62 ngách 81/2 tổ 12 đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T.T.N: Luật sư P.Q.X và Luật sư N.T.H- Công ty Luật TNHH XTVN, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt LS X.

3.5. Con bà Đ.T.Qgồm:

3.5.1. Bà C.T.O; Vắng mặt.

3.5.2. Bà C.T.K; Vắng mặt.

3.5.3. Bà C.T.B; Vắng mặt.

3.5.4. Ông C.T.N; Vắng mặt.

3.5.5. Ông C.T.N1. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn P.H2, xã D.T, huyện Đ.A, Hà Nội.

3.6. Con bà Đ.T.C gồm:

3.6.1. Bà N.T.H.A. Trú tại: Số 5 tổ 17 phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.6.2. Bà N.T.T, sinh năm 1949. Trú tại: Số 5 tổ 14 phường M.Đ, quận H.M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.6.3. Ông N.B.T. Trú tại: Số 28 tổ 17 phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.6.4. Bà N.T.N. Trú tại: Số 28 tổ 17 phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.6.5. Bà N.T.K. Trú tại: Số 38 ngõ 84/27/55 tổ 18 phường N.Đ, quận C.G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.6.6. Bà N.T.H. Trú tại: Phòng 203 nhà I Tập thể P.M, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp sau cũng như tại phiên tòa- Các Nguyên đơn Anh Đ.C.K; anh Đ.T.T; anh Đ.T.S; anh Đ.T.H cùng trình bày: Về quan hệ huyết thống: cố Đ.V.H(chết 1972) và cố N.T.Đ(chết...). Sinh thời 02 cụ sinh được 5 người con: cụ Đ.T.C(chết 1983); cụ Đ.T.Q; cụ Đ.T.T(chết 2004); cụ Đ.V.D; cụ Đ.V.C.

Các cố không có con nuôi và con riêng. Các cụ chết không để lại di chúc.

Tài sản chung của cố Đ.V.Hvà cố N.T.Đ có như sau: 02 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trong đó có 01 nhà " Tam Bảo" và 01 nhà " Tĩnh" + Trụ cổng, tường rào, cây cối trên thửa đất có diện tích khoảng 480m2 - tại vị trí: số 62 ngách 81/2, đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội. Nhà đất của 02 cụ đã được Ủy ban hành chính TP. Hà Nội cấp GCNQSD đất số 43 ngày 01/2/1956 đứng tên cụ Đ.V.H.

Năm 1972, cố H chết. Cụ Đ.T.T là con gái được quản lý sử dụng 01 nhà " Tĩnh" 5 gian , bể nước, tường rào, câu cối trên diện tích khoảng 480m2 đất; cụ Đ.V.C (con trưởng) quản lý 01 nhà " Tam Bảo" và phần diện tích đất xung quanh; cụ Đ.V.D (con thứ) quản lý phần diện tích đất cạnh nhà " Tĩnh" của cụ T.

Cụ Đ.T.T(chết năm 2004) có 02 đời chồng: cụ T và cụ Đ.K.B(ông Bảng là liệt sỹ) không có con chung. Cụ T và cụ Đ.Tsinh được 05 người con: ông C, ông K, ông T, ông S, ông H. Cụ T có 01 con riêng là ông L.Đ.T. Năm 1976 cụ T và cụ Tly hôn; cụ Tchết năm 2001.

Quá trình quản lý sở hữu sử dụng tài sản của bố mẹ cho, cụ T đã sửa ngôi nhà từ 5 gian thành 03 gian; trên đất còn có nhà 02 tầng xây năm 1997; tài sản của ông bà ngoại còn: 1/2 gian bếp + móng nhà cũ + bể nước + tường rào, cây nhãn, cây ổi...đang do ông C quản lý sử dụng tại số 62 ngách 81/2 tổ 16 Đường L.L.Q, N.Đ, C.G. Ngoài ra cụ T còn để lại 01 xe đạp + 3.333.000đ. Cụ T chết không để lại di chúc. Nay các ông yêu cầu chia thừa kế di sản cụ T để lại theo quy định Pháp luật.

Các ông được biết thời gian cụ T còn sống có 02 mảnh đất; năm 1991 cụ đã bán 1 mảnh; mảnh còn lại cụ đổi cho cụ C để lấy cổng tam quan; Các ông không yêu cầu gì về phần này.

Bị đơn ông Đ.V.C trình bày: Về quan hệ huyết thống gia đình, ông nhất trí như lời khai của các nguyên đơn.

Về nguồn gốc nhà đất hiện anh đang quản lý: là của chùa làng T (chùa Q.Â). Chùa có từ năm 1664 là Chùa của làng chứ không phải của cá nhân. Dòng họ Đ trông nom quản lý và thờ cúng từ đời cố Đỗ Vũ Tỉnh (cụ Tư). Cố T chết thì cố Đ.V.H là con tiếp tục trông nom thờ cúng và là người giữ Chùa. Cố H đã chết năm 1972; sinh thời cố Hcó 5 người con như các nguyên đơn đã khai. Cụ T là con cố H, cụ T có các đời chồng như sau: cụ T lấy cụ Đ.T(cụ Tchết năm 2001) và sinh được

05 người con: ông C, ông K, ông T, ông S, ông H. Năm 1975 cụ T ly hôn ông T. Cụ T lấy cụ L.V.B (chết năm 2002) không có con chung.

Sau khi cố H chết, cụ Đ.V.C tiếp tục ở nhà đất tại nhà Tam Bảo; cụ C đã phá nhà Tam Bảo. Còn lại nhà " Tĩnh" và hậu cung thờ Mẫu do cụ T và ông C trông nom. Do nhà " Tĩnh" và hậu cung đổ nát; năm 1997 ông C đã phá bỏ để xây nhà mới 2 tầng bằng tiền của ông. Diện tích đất trước kia cụ T quản lý nay ông quản lý có diện tích khoảng 480m2 chưa được cấp GCNQSD đất và vẫn nằm trong khuôn viên chùa làng T. Cụ T không có công sức đóng góp gì.

Khi cụ T còn sống, vào năm 2002 cụ T có bán 400m2 đất của cố H để lại tại tổ 10 xóm M, N.Đ, C.G cho ông B Phúc Yên và giá bán bao nhiêu ông không biết vì cụ T quản lý số tiền này. Ông có giữ 01 quyển sổ tiết kiệm đứng tên cụ T gửi ngày 04/12/2002 số tiền gửi 200.000.000đ tại quỹ TK số 28- chi nhánh Ngân hàng Công thương C.G. Ngày 29/5/2003 cụ T đã rút toàn bộ và tự quản lý số tiền này. Ngoài ra năm 1990 cụ T bán một mảnh đất ở cạnh nhà cụ C. Toàn bộ số tiền bán đất cụ T mang vào Đ.Lđể mua các tài sản:

- Nhà đất tại 45A/6 M.Đ.C, phường T.T, B.M.T, Đ.L hiện do ông K quản lý sử dụng.
- 03 HA đất ở Đắc Win: hiện ông K và ông T đang trồng CaFe.
- Nhà đất tại 931 Q.T nối dài, phường T.T, B.M.T, Đ.L: hiện do ông S đang quản lý sử dụng. Địa chỉ mới: N.T.G, phường T.T, B.M.T, Đ.L.
- Nhà đất tại số 18 tổ 3 khối 15 phường K.X, B.M.T, Đ.L: hiện do ông T quản lý sử dụng.
- 01 xe ô tô I Fa do ông H đang sử dụng.
- Một số máy móc phục vụ cây tại Đ.L.
- Số tiền TK 186.000.000đ: số tiền này ông L đang quản lý.
- 01 xe đạp P.H + 3.300.000đ ông C quản lý.

Ông C không yêu cầu chia thừa kế số tài sản kê trên.

Ông C xác định: nhà đất tại số 62, ngách 81/2 tổ 16 đường L.L.Q, phường N.Đ, C.G, Hà Nội là tài sản của Chùa làng được xác định từ năm 1664, không là tài sản của cụ T nên không là di sản thừa kế để chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Đ.V.C trình bày: ông là em ruột cụ T và là con trai cố Đ.V.H.

Cố H có 02 vợ:

Vợ cả là cố L.T.Bchết đã lâu. Cố H, cố Bcó 01 con là cụ Đ.T.C; cụ C chết năm 1983 còn chồng là T.Q.M.

Vợ hai là cố N.T.Đ. Cố H và cố Đ có 05 con là: cụ N (Q), cụ T, cụ D, cụ C, và cụ N1 (cụ N1đã chết không chồng con).

Về nguồn gốc nhà đất ông C đang quản lý sử dụng: là của cụ T để lại. Cụ T có 6 người con: ông L.Đ.T là con đầu của cụ T với chồng trước; còn 5 người con sau này lấy họ Đ. Nay các con cụ T có tranh chấp nhà đất ông C đang quản lý sử dụng. Cụ đề nghị Tòa án căn cứ Pháp luật giải quyết. Cụ C xác định không yêu cầu gì và không có quyền lợi gì trong vụ án này nên không tham gia vụ án nữa.

2. Ông L.Đ.T trình bày: mẹ ông là cụ Đ.T.Tvà bố là cụ Đ.K.B(cụ B là liệt sỹ).

Cụ T lấy chồng hai là cụ T và sinh được 5 người con là: ông C, ông K, ông T, ông S và ông H. Trong đó ông C ở Hà Nội, còn 4 anh em ở Tây Nguyên.

Nguồn gốc nhà đất ông C đang quản lý sử dụng của các cố để lại cho cụ T.

Nay có tranh chấp thì Tòa án căn cứ Pháp luật giải quyết.

3. Bà T.T.N khai: bà nhất trí lời khai của ông C. Nhà đất đang có tranh chấp là tài sản của Chùa Q.Â (Chùa Làng T) không là tài sản của cụ T nên không chia thừa kế được.

4. Cụ Đ.T.Q khai: cụ là con cố Đ.V.H. Cố Đ.V.H có hai vợ. Vợ cả là cố L.T.B. Cố H và cố B chỉ có 1 con là cụ Đ.T.C. Vợ hai là cố N.T.Đ. Cố H và cố Đ có 4 người con: là cụ (Q), cụ T, cụ D và cụ C. Khi lớn lên cụ được biết nhà đất đang có tranh chấp là tài sản của tổ tiên để lại. Các cố có chia nhà đất cho cụ T như thế nào cụ không biết. Còn khuôn viên nhà đất này được xây dựng theo dạng Chùa và do cố H trông nom. Thỉnh thoảng cụ có về nhà thì thấy: cụ C trông nom khu Tam Bảo, còn cụ T trông nom khu Hậu Tĩnh; còn cụ D thì ở khu vực vườn Chùa.

Nay các con cụ T có tranh chấp chia thừa kế nhà đất cụ T khi còn sống quản lý thì cụ không có yêu cầu gì.

5. Các ông bà: N.T.H.A, N.T.T.N, N.T.T, N.T.K, N.B.T, N.T.H cùng có lời khai: các ông bà là cháu ngoại của của cụ Đ.V.H (thường gọi là ông xã Chùa). Các ông bà là con của cụ Đ.T.C (chết 1983) và cụ N.B.L(T.Q.M, đã chết 2006).

Về nguồn gốc nhà đất số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, N.Đ, C.G, Hà Nội là nơi thờ cúng cha truyền con nối từ đòi cố Tđến đời cố H thừa kế lại; đến đời cụ C, cụ D, cụ T tự thu xếp chỗ ở như hiện nay. Nơi ở của cụ T trước đây chính là Nhà Tĩnh là nhà đất của cố H để lại. Sau này ông C ở đó và phá bỏ nhà Tĩnh để xây nhà 2 tầng như hiện nay.

Các con cụ T có tranh chấp thừa kế liên quan đến nhà đất mà cụ T ở trước kia, các ông bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án căn cứ Pháp luật giải quyết. Các ông bà xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2006/DSST ngày 23-26/6/2006 của TAND quận C.G đã quyết định (BL 455):

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các anh Đ.C.K, Đ.T.T, Đ.T.S, Đ.T.H.

2. Xác định bà Đ.T.Tchết năm 2004.

3. Xác định khối di sản của bà Đ.T.Tgồm: ngôi nhà ngói 3 gian (đã bị cụ Cphá dỡ), 01 bể non bộ, 02 bia đá, 02 trụ cổng, 01 cây nhãn, 01 cây hồng xiêm trên diện tích đất 457m2 tại 62 ngách 81/2 tổ 16 Ngĩa Đỗ, C.G, Hà Nội và 01 xe đạp P.H + 3.300.000đ tiền tuất (cụ C đang quản lý), có tổng trị giá 3.568.306.579đ được chia theo pháp luật.

4. Không công nhận anh L.Đ.T là con để của bà Đ.T.T.

5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ.T.Tgồm các anh Đ.V.C, Đ.C.K, Đ.T.T, Đ.T.S, Đ.T.H. Trích công sức duy trì tôn tạo tài sản của anh Đ.V.C bằng 01 kỷ phần thừa kế.

6. Chia bằng giá trị: Anh Đ.V.C được hưởng: 1.189.435.524đ; Anh Đ.C.K, Đ.T.T, Đ.T.S, Đ.T.H mỗi người được hưởng 594.717.762đ.

Và chia bằng hiện vật cho anh K, anh S, anh Đ.T.T, anh H, anh C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2006/DS-PT ngày 8/11/2006 của TAND TP. Hà Nội (BL 848) đã nhận định về tài liệu chứng cứ vụ án là:

- GCNQSD đất do UBHC TP. Hà Nội cấp cho cụ Đ.V.H năm 1956 và Bản đồ địa chính năm 1960 mang tên cụ Đ.V.H.

- Bản đồ địa chính năm 1987 diện tích đất đang có tranh chấp, loại đất thổ cư.

- Công văn của Sở Văn hóa thông tin Hà Nội của Ban quản lý di tích danh thắng Hà Nội đều có nội dung khẳng định: đất đang tranh chấp tại số 62 ngách 81/2 tổ 16 N.Đ, C.G, Hà Nội thuộc khuôn viên đất Chùa làng T(Chùa Q.Â).

- Công văn số 85/VH-TT ngày 26.9.2005 Phòng văn hóa Thông tin UBND quận C.G đã có công văn trả lời TAND quận C.G : Chùa Q.Â là một di tích lịch sử Cách Mạng, vì vậy cần phải được bảo vệ đúng Luật di sản văn hóa đã được ban hành. Vì vậy, HĐXXPT đã nhận định : " *...chưa đủ cơ sở để kết luận nhà đất đang có tranh chấp tại số 62 ngách 81/2 tổ 16 phường N.Đ là di sản thừa kế của cụ Đ.T.T*". Vì vậy, HĐXXPT quyết định hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2006/ DSST ngày 23-26.6.2006 của TAND quận C.G.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân quận C.G đã quyết định:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của anh Đ.C.K, anh Đ.T.T, anh Đ.T.S, anh Đ.T.H về việc xin chia thừa kế di sản của bà Đ.T.Tlà nhà đất tại số 62 ngách 81/2 L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12), phường N.Đ, quận C.G, TP. Hà Nội.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm tuyên. Anh Đ.C.K, anh Đ.T.T, anh Đ.T.S, anh Đ.T.H - nguyên đơn; ông L.Đ.T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên quan điểm.

Các đương sự không thoả thuận được về cách giải quyết vụ án.

LS bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các nguyên đơn phát biểu luận cứ và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

LS bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bị đơn phát biểu luận cứ và đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS: Hủy bản án dân sự sơ thẩm của TAND quận C.G, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, luận cứ của các Luật sư, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ, được chấp nhận xem xét.

II. Xét kháng cáo của các Nguyên đơn như sau:

[1]. Về tài sản là nhà đất đang có tranh chấp chia thừa kế tài sản: là quyền sử dụng đất tại số 62 ngách 81/2 L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội. Nhà đất chưa được cấp GCNQSD đất.

[2]. Do các bên đương sự có lời khai không thống nhất về tài sản là nhà đất có tranh chấp. Vì vậy, HĐXXPT xem xét nguồn gốc tài sản là nhà đất có tranh chấp và quá trình sử dụng; các tài liệu có liên quan đến thửa đất như sau:

[2.1]. Theo văn bản phúc đáp của Ủy ban nhân dân quận C.G số 303/UBND-TNMT ngày 14/4/2014 v/v "Cung cấp thông tin thửa đất số 62 ngách 84/2 đường L.L.Q, tổ 16 phường N.Đ, quận C.G" (BL 1090):

Theo bản đồ và sổ địa chính lập năm 1939, phần diện tích đất đang có tranh chấp quyền sử dụng thuộc một phần thửa đất số hiệu 193, tờ bản đồ số 2 diện tích 1 mẫu 4 sào 11 thước (5310m2), chủ sử dụng trước tiên là thôn Tiên Hoàng.

Theo Bản đồ và sổ theo dõi lập năm 1960: thuộc một phần thửa số 55 tờ 02 diện tích 5310m2 loại đất ĐM, chủ sử dụng ông Đ.V.H. Ủy ban hành chính Hà Nội đã ký cấp Giấy chứng nhận sử dụng ruộng đất số 43 ngày 01 tháng 2 năm 1956 cho ông Đ.V.H.

Theo bản đồ và sổ theo dõi lập năm 1987: thuộc thửa đất số 144, tờ 05, diện tích 487m2, loại đất ở, chủ sử dụng bà Đ.T.T.

Theo bản đồ và sổ theo dõi lập năm 1994: thuộc thửa đất số 11, tờ 09, diện tích 447m2, loại đất ở, chủ sử dụng ông Đ.V.C (con trai bà Đ.T.T).

Các bên đương sự đều nhất trí như cung cấp của UBND quận C.G về hệ thống bản đồ và sổ theo dõi qua các thời kỳ đối với thửa đất đang có tranh chấp.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm: Các Nguyên đơn công nhận diện tích đất đang có tranh chấp nằm trong khuôn viên Chùa trước kia. Tại Chùa này còn là nơi hoạt động của Cách Mạng những năm kháng chiến chống Thực dân Pháp. Hiện nay còn lưu giữ hiện trạng là Cổng Tam Quan của Chùa; còn Bia đá...còn một phần tường của ngôi nhà Tĩnh. Bị đơn ông C có bổ sung: lấp dưới đất còn móng nhà của gian nhà Tĩnh. Biên bản hiện trạng do Tòa án xem xét đúng như mô tả của các bên đương sự, đặc biệt Cổng Tam quan của Chùa vẫn còn giữ lại gần như nguyên vẹn và cổ kính.

- Các Nguyên đơn xuất trình tài liệu để làm căn cứ chứng minh diện tích đất đang có tranh chấp là của cụ Đ.T.T: Giấy chứng nhận sử dụng ruộng đất số 43 do Ủy ban hành chính Hà Nội ký ngày 01 tháng 2 năm 1956 cho cố Đ.V.H là bố đẻ của cụ T. Các con của cố Htrong đó có cụ Đ.V.C, cụ Đ.T.Q đều công nhận diện tích đất có tranh chấp là tài sản của cụ T được thừa hưởng của cố H. Ngoài ra các nguyên đơn đề nghị HĐXX PT xem xét các văn bản của Ủy ban nhân dân các cấp và của Sở VH....cũng xác nhận diện tích đất đang có tranh chấp là tài sản của cụ Đ.T.Tđể lại.

[3]. HĐXX có xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBHC Hà Nội cấp cho cố H(BL 102) thì thấy có nội dung: " *Theo Luật cải cách ruộng đất của Chính phủ Trung Ương và Điều lệ cải cách ruộng đất ngoại thành. Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội chứng nhận ông Đ.V.H gia đình có 6 nhân khẩu ...được chia số ruộng đất kê khai dưới đây gồm mười thửa 1 mẫu 7 sào 5 thước. Kể từ ngày cấp giấy chứng nhận ông Đ.V.H được quyền sử dụng số ruộng đất này cho đến khi Chính phủ cần tới và không được cầm bán hoặc bỏ hoang* ". Nội dung này

của Giấy chứng nhận chỉ để xác nhận cố H được quyền sử dụng đất đến khi Chính phủ cần tới.

Còn lời khai của cụ Đ.V.C (BL 260) cụ C cho biết anh em con cụ T tranh chấp " ngôi Chùa" do ông C đang ở, cụ đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Lời khai của cụ Đ.T.Q(BL 271) cụ Quý cho biết: việc bố mẹ cụ có chùa nhà đất cho cụ T, cụ Dvà cụ Chay không cụ không được biết. Cụ biết cụ Cở khu vực Tam Bảo; cụ T ở khu hậu Tĩnh, cụ Dở khu vực vườn Chùa...Như vậy lời khai của 02 cụ cũng chỉ để xác nhận việc cụ T ở khu vực nhà Tĩnh Chùa.

HĐXXPT xem xét các tài liệu văn bản có trong quá trình giải quyết tranh chấp đất liên quan đến Chùa do các cơ quan ban ngành giải quyết có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

- Tại Công văn số 119/QLDT ngày 29/4/2005 của Ban QL Di tích và Danh thắng - Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội (BL 309) có nội dung: Đề nghị Phòng VHTT-TDTT quận C.G gắn biển 04 điểm di tích Cách Mạng trong đó có Di tích Cách mạng Chùa Làng Tân- Phường N.Đ.

- Tại công văn số 199/QLDT ngày 23/6/2005 của Ban QL Di tích và Danh thắng - Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội (BL 311) có nội dung về việc kiểm tra thực trạng tại di tích là Chùa Q.Â (Chùa Làng Tân). Di tích chùa Q.Â đã được Ban quản lý Di tích và Danh Thắng - Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội lập hồ sơ khảo sát và đưa vào danh mục quản lý từ năm 1994.

- Tại Quyết định số 5563/QĐ-UB ngày 05/8/2005 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội v/v Gắn biển 47 điểm di tích cách mạng kháng chiến ở Hà Nội. Có kèm theo Danh sách gắn biển 47 di tích lịch sử Cách mạng kháng chiến- theo danh sách thì Chùa Q.Â (Chùa Làng Tân) - phường N.Đ, quận C.G đứng thứ tự 6 trong 47 di tích (BL 1049, 1050).

- Tại công văn số 367/QLDT ngày 25/10/2005 của Ban quản lý Di tích và Danh Thắng - Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội (BL 313) phúc đáp cho Tòa án v/v "Chùa Làng Tân, phường N.Đ, quận C.G" có nội dung: việc xác định nhà đất tại số nhà 62 ngách 81/2 tổ 16 phường N.Đ có nằm trong khu vực của chùa làng Thay không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận C.G.

Để làm rõ nội dung này, Tòa án sơ thẩm đã có văn bản số 1124/2010/CV-TA ngày 23/11/2010 gửi Ủy ban nhân dân quận C.G. Tại công văn số 70/UBND-TNMT ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân quận C.G đã đề nghị Tòa án căn cứ Văn bản số 20/VHTTDL-QLDT ngày 06/01/2011 của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch có các thông tin liên quan tới Chùa Q.Â.

- Tại Văn bản số 20/VHTTDL-QLDT ngày 06/01/2011 của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch (BL 1053) có nội dung: " *Chùa Q.Â (Chùa làng Tân) thuộc tổ 16*

phường N.Đ, quận C.G được xây dựng từ thời Lê để thờ phật. Chùa là di tích lịch sử văn hóa và di tích cách mạng kháng chiến. Hiện nay chùa Q.Â chưa được xếp hạng. ...Chùa Q.Â là di tích lịch sử văn hóa, cách mạng kháng chiến. Hiện tại chùa còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị ....Trong đó đáng lưu ý là tấm bia đá cổ "Q.Â tự công đức điền bi" (bia ghi việc công đức ruộng chùa Q.Â) có niên đại Cảnh Trị thứ 2 (1664). ...Chùa Q.Â là chùa công, từ trước luôn là ngôi chùa của làng T".

- Tại công văn số 111/UBND-VP ngày 11/9/2008 của Ủy ban nhân dân quận C.G (BL 1006) v/v "*Cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất tại số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, phường N.Đ*" có nội dung:

[(*1.* Về quá trình sử dụng đất qua các thời kỳ của thửa đất số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, phường N.Đ (do ông Đ.V.C đang sử dụng*): Tại bản đồ địa chính năm 1960 là một phần thửa 55, tờ 02, diện tích 5310m2, loại đất ĐM, chủ sử dụng ông Đ.V.H. Tại bản đồ địa chính năm 1987 là thửa 144 tờ 05, diện tích 487m2 loại đất ở, chủ sử dụng bà Đ.T.T. Tại bản đồ địa chính năm 1994 là thửa 11, tờ 09, diện tích 447m2, loại đất ở, chủ sử dụng ông Đ.V.C (con trai bà Đ.T.T). Diện tích đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).(2.* Về việc Chùa Làng Tlà chùa công hay tư, có phải là di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo được Nhà nước quản lý không*: Ngày 26/8/2008, UBND quận C.G cùng Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Nội tổ chức hội thảo khoa học để đánh giá giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị cách mạng của Chùa Q.Â với sự tham gia của các cơ quan văn hóa Trung ương, Thành phố và các nhà sử học, nhà nghiên cứu. Trên cơ sở các tham luận, các bài viết, các bằng chứng đã khẳng định: Chùa Q.Â là chùa Làng Tđược xây dựng trước thế kỷ 17, là di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng của quận C.G nói riêng và của thành phố Hà Nội nói chung. Hiện nay chùa Q.Â đã xuống cấp trầm trọng. Ghi nhận dòng họ Đỗ cùng bà con trong việc trông nom, duy trì việc thờ phật tại chùa Q.Â*)].

- Tại công văn số 308/UBND-TN&MT ngày 25/5/2009 của Ủy ban nhân dân quận C.G (BL 1034) v/v "*Cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất tại số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, phường N.Đ*" có nội dung như Công văn số 111/UBND-VP ngày 11/9/2008 của Ủy ban nhân dân quận C.G.

- Tại Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 20/8/2009 của Ủy ban nhân dân phường N.Đ, quận C.G gửi Ủy ban nhân dân quận C.G có nội dung:

" *I. Về đất đai của khu vực chùa: Khuôn viên đất chùa Q.Â (chùa Làng Tân) hiện nay không còn nguyên vẹn như xưa, hiện trạng chỉ còn phần đất có gian Tam Bảo (do hộ ông Đ.V.C đang sử dụng), cổng Tam quan nằm trên phần đất do anh Đ.V.C đang sử dụng, theo hồ sơ địa chính phường quản lý được thể hiện như sau:*

1. Thửa đất có gian Tam Bảo (do ông Đ.V.C đang sử dụng).....
2. Thửa đất có cổng Tam Quan: Tại bản đồ năm 1960, tờ số 02, thửa 55, DT 5310m2, chủ sử dụng ông Đ.V.H. Bản đồ năm 1987, tờ 05, thửa 55, DT 478m2, chủ sử dụng bà Đ.T.T(con gái cụ Đ.V.H). Bản đồ năm 1994, tờ 09, thửa 11, DT 447m2, chủ sử dụng anh Đ.V.C. Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất...".

- Tại công văn số 3768/VHTTDL-QLDT ngày 28/12/2010 của Sở Văn hóa Thể thao Du lịch Hà Nội v/v Khoanh vùng diện tích chùa Q.Â phục vụ cho việc tu bổ, tôn tạo chùa tại phường N.Đ, quận C.G có nội dung : *" 1, Chùa Q.Â (chùa làng Tân) thuộc tổ 16 phường N.Đ, quận C.G được xây dựng từ thời Lê để thờ Phật. Khi mới xây chùa do một nhà sư trụ trì, sau đó cụ Đ.V.H trông nom, cụ Đỗ Vụ Hinh mất thì bà Đ.T.T(con gái cụ Hinh) tiếp tục trông nom....2. Hiện trạng chùa Q.Â: Khuôn viên của chùa Q.Â hiện nay không còn nguyên vẹn như xưa, hiện trạng chỉ còn phần đất có gian Tam Bảo (do hộ ông Đ.V.C đang sử dụng), cổng Tam quan nằm trên phần đất do anh Đ.V.C đang sử dụng...3. Chùa Q.Â là chùa của làng Tnơi thực hiện nghi lễ tín ngưỡng thờ Phật của nhân dân địa phương, nay ngôi chùa đã xuống cấp nghiêm trọng cần được quan tâm đầu tư kinh phí để tu bổ, tôn tạo chùa....* ".

- Tại công văn số 37/UBND-TCKH ngày 17/01/2011 của Ủy ban nhân dân quận C.G v/v " Chấp thuận Chủ trương đầu tư công trình Tu bổ, tôn tạo chùa Q.Â, phường N.Đ".

- Tại công văn số 352/VP-VHKG ngày 28/1/2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội (BL 1284) v/v "Khoanh vùng diện tích phục vụ việc tu bổ, tôn tạo Chùa Q.Â, phường N.Đ".

- Tại Công văn số 303/ UBND-TNMT ngày 14/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận C.G có nội dung v/v "*Cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất tại số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, phường N.Đ*" - BL 1090.

Căn cứ các văn bản của các cơ quan ban ngành cung cấp và có liên quan đến nhà đất đang có tranh chấp tại số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội- Cho thấy: thửa đất đang có tranh chấp là 1 phần của thửa 55, tờ 02, diện tích 5310m2, loại đất ĐM, chủ sử dụng ông Đ.V.H theo bản đồ năm 1960 và thuộc khuôn viên Chùa Q.Â (chùa Làng Tân). Chùa Q.Â (chùa làng Tân) là Chùa công và là di tích lịch sử; Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã có kế hoạch tu bổ, tôn tạo chùa.

Các nguyên đơn xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 43 do Ủy ban hành chính Hà Nội cấp ngày 01/02/1956 cho cố Đ.V.H để chứng minh về việc cụ Đ.T.Tđược quyền thừa kế tài sản của cố Đ.V.H. Tuy nhiên, Giấy chứng

nhận quyền sử dụng ruộng đất số 43 chỉ xác định cố Hlà chủ sử dụng, không phải là chủ sở hữu số ruộng đất ghi trên Giấy chứng nhận. Cụ Đ.T.Tcó tên trên bản đồ năm 1987 chỉ có ý nghĩa chứng minh người đang sử dụng diện tích đất. Như vậy, theo quy định tại Điều 173 BLDS 1995 về Quyền sở hữu "Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt...Chủ sở hữu là cá nhân..có đủ ba quyền là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt " . Như phân tích thì không có đủ căn cứ để chứng minh quyền tài sản hợp pháp của cụ T đối với quyền sử dụng đất đang có tranh chấp tại thửa 11, tờ 09- địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ. Nên quyền sử dụng thửa đất này không là di sản thừa kế của cụ T.

Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn v/v chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 11, tờ 09- địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội.

[3]. Các tài sản là các công trình xây dựng trên đất: do ông C xây dựng 1 phần, ông K làm và con ông T xây không là tài sản của cụ T.

Còn các cây cối mọc trên đất, các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên ghi nhận.

[4]. Ngoài diện tích đất có tranh chấp trên, Nguyên đơn khai: cụ T có để lại 01 xe đạp và số tiền 3.333.000đ do ông C quản lý, nhưng các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu mà để ông C tiếp tục sở hữu. Ông C chỉ công nhận số tiền, còn xe đạp nay không rõ ai quản lý. Nên ghi nhận sự tự nguyện này của các nguyên đơn.

Bị đơn ông C khai: trước khi cụ T chết, cụ có rút số tiền tiết kiệm 200.000.000đ chi tiêu gì ông không rõ, và ông cũng không yêu cầu xem xét. Cụ T vào B.M.T sinh sống có tài sản gì khác thì ông cũng tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

[4]. Tòa án sơ thẩm đã xét xử: không chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn v/v xin chia thừa kế di sản của cụ T là quyền sử dụng đất tại thửa 11, tờ 09- địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội là thiếu sót.

Qua phân tích trên, cần sửa án sơ thẩm: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đó là : ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn không yêu cầu chia số tiền 3.333.000đ mà để ông C sở hữu; không yêu cầu xem xét 01 xe đạp và cây cối trên diện tích đất có tranh chấp.

Xác định quyền sử dụng 599m2 đất tại địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ không là tài sản hợp pháp của cụ Đ.T.Tnên không là di sản thừa kế.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu xem xét số tiền 200 triệu đồng cụ T rút tiết kiệm khi cụ chưa chết; và không yêu cầu xem xét các tài sản hiện các nguyên đơn đang quản lý tại B.M.T.

[5]. Về việc áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án: Cụ Đ.T.Tchết năm 2004, nên áp dụng BLDS năm 1995 và Luật đất đai năm 2003 như sau. Căn cứ tài liệu chứng cứ do các nguyên đơn cung cấp nhưng không chứng minh được quyền tài sản hợp pháp của cụ T là quyền sử dụng đất tại thửa 11, tờ 09- địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội được quy định tại Điều 173 BLDS 1995; các tài liệu nguyên đơn cung cấp cũng không thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo Điều 49 Luật Đất Đai năm 2003; nên không được chấp nhận.

[6]. Về án phí DSST: Do yêu cầu của các nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần v/v ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn không yêu cầu chia xe đạp, tiền 3.333.000đ; và không được chấp nhận chia thừa kế đối với diện tích đất 599m2 tại địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ. Nên các nguyên đơn chỉ phải chịu án phí không giá ngạch là 300.000đ/ người.

Do sửa án sơ thẩm các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân quận C.G, TP. Hà Nội.

Căn cứ Điều 173 của BLDS năm 1995.

Căn cứ Điều 49 Luật đất đai năm 2003

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông Đ.C.K, ông Đ.T.T, ông Đ.T.S, ông Đ.T.H về việc chia di sản thừa kế của cụ Đ.T.Tđể lại.

Ghi nhận sự tự nguyện của các các ông Đ.C.K, ông Đ.T.T, ông Đ.T.S, ông Đ.T.H không yêu cầu chia số tiền 3.333.000đ mà để ông C sở hữu; không yêu cầu xem xét 01 xe đạp và cây cối trên diện tích đất có tranh chấp.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ.V.C không yêu cầu xem xét số tiền 200.000.000 đồng cụ Đ.T.Trút tiết kiệm; và không yêu cầu xem xét các tài sản là nhà đất, và các tài sản khác hiện nay các ông Đ.C.K, ông Đ.T.T, ông Đ.T.S, ông Đ.T.H đang quản lý tại B.M.T.

2. Xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 09, địa chỉ số 62 ngách 81/2 đường L.L.Q, tổ 16 (nay là tổ 12) phường N.Đ, quận C.G, Hà Nội không là tài sản hợp pháp của cụ Đ.T.Tnên không là di sản thừa kế.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: các ông Đ.C.K, ông Đ.T.T, ông Đ.T.S, ông Đ.T.H mỗi ông phải chịu án phí là 300.000đ và được đối trừ vào số tiền 5.000.000đ tạm ứng do ông Đ.C.K đại diện đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 005678 ngày 04/10/2004 của Chi cục thi hành án dân sự quận C.G. Sau khi đối trừ số tiền án phí các ông phải chịu, chênh lệch thừa là [(5.000.000đ - (300.000đ x4)] = 3.800.000đ trả lại cho các ông và do ông K đại diện nhận.

- Án phí DSPT:

Hoàn trả ông Đ.C.K 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số AA/2018/0003225 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.G, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả ông Đ.T.H (do ông Đ.C.K nộp hộ) 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số AA/2018/0003319 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.G, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả ông Đ.T.T (do ông Đ.C.K nộp hộ) 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số AA/2018/0003318 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.G, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả ông Đ.T.S (do ông Đ.C.K nộp hộ) 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án" số AA/2018/0003320 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.G, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân quận C.G.
- Chi cục THADS quận C.G.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thiện